TIẾNG VIỆT

**NGHE – VIẾT: MAI CON ĐI NHÀ TRẺ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe (thầy, cô) đọc, viết lại chính xác bài thơ *Mai con đi nhà trẻ*. Qua bài chính tả, củng cố cách trình bày bài thơ 5 chữ: chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa, lùi vào 3 ô. Làm đúng BT điền chữ **r**, **d** hoặc **gi**; chọn đúng dấu thanh phù hợp.

- **Năng lực chung**: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.

**- Phẩm chất:** Rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận.

*HSKT: Viết được một số chữ cái đã học.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Giáo án. Máy tính, máy chiếu.

- HS: SGK, Vở Luyện viết 2, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. KHỞI ĐỘNG**  - GV cho HS chơi trò chơi “Thượng đế cần”  - GV giới thiệu bài mới  **2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **HĐ 1: Nghe – viết**  GV nêu nhiệm vụ: HS nghe (thầy, cô) đọc, viết lại bài thơ *Mai con đi nhà trẻ*.  - GV đọc mẫu 1 lần bài thơ.  - GV yêu cầu 1 HS đọc lại bài thơ, cả lớp đọc thầm theo.  - GV nói về nội dung và hình thức của bài văn:  + Về nội dung: Bài thơ nói về tình cảm của người bố dành cho bạn nhỏ sắp đi nhà trẻ.  + Về hình thức: Bài thơ gồm 2 khổ. Mỗi khổ 4 dòng. Mỗi dòng 5 tiếng. Chữ đầu mỗi dòng viết hoa và lùi vào 3 ô li tính từ lề vở.  Đọc cho HS viết:  - GV đọc thong thả từng dòng thơ cho HS viết vào vở *Luyện viết 2*. Mỗi dòng đọc 2 hoặc 3 lần (không quá 3 lần). GV theo dõi, uốn nắn HS.  - GV đọc cả bài lần cuối cho HS soát lại.  Chấm, chữa bài:  - GV yêu cầu HS tự chữa lỗi (gạch chân từ viết sai, viết từ đúng bằng bút chì ra lề vở hoặc cuối bài chính tả).  - GV chấm 5 – 7 bài, chiếu bài của HS lên bảng lớp để cả lớp quan sát, nhận xét bài về các mặt nội dung, chữ viết, cách trình bày.  **3. LUYỆN TẬP- THỰC HÀNH**  **HĐ 2: Hoàn thành BT điền *r/ d/ gi* và dấu hỏi/ dấu ngã**  - GV YC HS đọc YC của BT 2, 3 và hoàn thành BT vào VBT.  - GV mời một số HS lên bảng làm bài.  - GV mời một số HS nhận xét bài làm của bạn, trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  **+ BT 2:** Chọn chữ hoặc dấu thanh phù hợp:  a) Chữ **r**, **d** hay **gi**?  Tuổi thơ tôi trôi qua êm đềm trong tiếng hát **r**u của bà, của mẹ, của các **d**ì: “**gi**ó mùa thu, mẹ **r**u con ngủ...”  b) **Dấu hỏi** hay **dấu ngã**?  Mẹ **bảo** trăng như **lưỡi** liềm  Ông rằng: trăng tựa con thuyền cong mui  Bà nhìn: như hạt cau phơi  Cháu cười: **quả** chuối vàng tươi ngoài vườn  LÊ HỒNG THIỆN  **+ BT 3:** Chọn tiếng trong ngoặc đơn phù hợp với ô trống:  a) (rành, dành, giành):  - để dành, dành dụm, giành lấy, rành mạch  b) (nửa, nữa):  - một lần nữa, lát nữa, nửa trái ổi, một nửa  **4. VẬN DỤNG**  - HS thi tìm các tiếng bắt đầu bằng r, d, gi  - Nhận xét, dặn dò tiết học | - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm theo.  - 1 HS đọc lại bài thơ trước lớp. Cả lớp đọc thầm theo.  - HS lắng nghe.  - HS nghe – viết.  - HS soát lại.  - HS tự chữa lỗi.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS đọc và hoàn thành BT vào VBT.  - Một số HS lên bảng làm bài.  - Một số HS nhận xét bài làm của bạn, trình bày bài làm của mình.  - HS lắng nghe, sửa bài vào vở.  - HS thực hiện |

*\*Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy:*

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

------------------------------------------------------------------------------